

Bản án số: 03/2022/HC-PT

Ngày: 21/12/2022

Vụ án: Khiếu kiện hành vi chứng thực.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Trí Dũng**

*Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Bà **Nguyễn Thị Trang Thu**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Hồng Chúc**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Lương Sơn Bá**, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện hành vi chứng thực”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Bà **Hồ Ngọc H**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Hồ Bích H1**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3. Bà **Hồ Thị Hồng P**, sinh năm 1989 (có mặt)

4. Ông **Hồ Tấn V**, sinh năm 1991 (có mặt)

5. Ông **Hồ Tấn T**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà Hồ Ngọc H Ủy quyền cho bà Hồ Bích H1 theo văn bản Ủy quyền ngày 28/4/2022.

Ông Hồ Tấn T Ủy quyền cho ông Hồ Tấn V theo văn bản Ủy quyền ngày 09/6/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Đỗ Vinh Q – Văn phòng Luật sư Vinh Q , Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người bị kiện:* **Phòng Tư pháp quận T** (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực P1, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Hồ Thị Cẩm H**, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

2. Ông **Hồ Tấn B**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3. Bà **Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1951 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ.

4. **Ngân hàng thương mại cổ phần K**

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc M, chức danh: Tổng giám đốc.

Đại diện theo Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trang Văn T, sinh năm 1992 (Văn bản Ủy quyền ngày 31/5/2022) (xin vắng mặt)

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người làm chứng:* ông **Lê Hồng K**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực L, phường T2, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P và ông Hồ Tấn V, Hồ Tấn T – Người bị kiện.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, người khởi kiện cùng trình bày:*

Cha là ông Hồ Văn B1 (chết) và mẹ bà Võ Thị Mỹ L có các con: Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V, Hồ Tấn T, Hồ Thị Cẩm H và Hồ Văn B1. Tất cả cùng chung hộ khẩu cấp ngày 10/9/2010, do ông Hồ Văn B1 đứng tên chủ hộ, theo văn bản xác nhận của Công an quận T ngày 15/01/2020. Năm 2010 hộ gia đình được nhà nước cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: giấy chứng nhận QSD đất số CQ00024 tại thửa đất 984, diện tích 4.500m<sup>2</sup> (LUA) và giấy số CQ00025 tại thửa 250, diện tích 2484m<sup>2</sup> (LUA) thuộc tờ bản

đồ số 04. Đất tọa lạc tại khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ mang tên hộ bà Võ Thị Mỹ L.

Năm 2012 bà Võ Thị Mỹ L mang 02 giấy chứng nhận QSD đất trên đến thế chấp vay tiền ngân hàng không được, nên bà L đăng ký chuyển đổi 02 giấy chứng nhận QSD đất từ hộ bà Võ Thị Mỹ L sang cá nhân bà Võ Thị Mỹ L để tiếp tục thế chấp vay tiền ngân hàng TMCP K đến nay chưa trả được tiền vay cho ngân hàng. Việc bà L đăng ký chuyển đổi từ hộ bà L sang cá nhân bà L trên 02 giấy chứng nhận QSD đất thì người khởi kiện là con bà L và ông B nhưng trong tờ “văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình”, được lập và ký kết tại phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 và được phòng Tư pháp quận T chứng thực tại văn bản chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 ký xác nhận chứng thực thì chỉ có chữ ký của ông Hồ Văn B1, anh Hồ Tấn B, bà Hồ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Mỹ L là không đầy đủ thành viên hộ gia đình đang sở hữu tài sản chung QSD đất.

Việc xác nhận chứng thực nêu trên của phòng Tư pháp quận T về việc thỏa thuận tài sản chung QSD đất của hộ gia đình sang tài sản riêng của cá nhân bà Võ Thị Mỹ L mà người khởi kiện không biết và cũng không có sự đồng ý, xác nhận chữ ký tên của tất cả anh chị em, để bà L thực hiện đem thế chấp ngân hàng TMCP K. Hiện nay, ngân hàng đang có yêu cầu phát mãi tài sản hai QSD đất trên. Sự việc trên, phòng Tư pháp quận T đã xâm phạm trực tiếp đến toàn bộ quyền sở hữu tài sản chung, quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên hộ gia đình.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố văn bản thỏa thuận tài sản riêng QSD đất của hộ gia đình, được lập và ký kết tại phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 và tờ chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 ký xác nhận chứng thực là vô hiệu.

*Phía người bị kiện có nhiều văn bản nêu ý kiến về vụ kiện như sau:*

*Theo văn bản nêu ý kiến ngày 02/7/2020 người bị kiện trình bày:*

Việc ông Lê Hồng K – Trưởng phòng Tư pháp quận chứng thực chữ ký trong Văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, số chứng thực số 207, quyền số 01/TP/SCT/CK ngày 17/4/2012 với tư cách là thừa Ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận T là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 79/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký thì thẩm quyền chứng thực chữ ký là của Trưởng phòng tư pháp không phải của Ủy ban nhân dân quận.

*Ngày 11/5/2022 Phòng Tư pháp quận T có văn bản số 123/PTP nêu ý kiến:*

Sau khi kiểm tra lại hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tư pháp, Văn bản thỏa thuận tài sản riêng Quyền sử dụng đất của hộ gia đình thể hiện như sau: Các ông (bà):

Hồ Văn B1 sinh 1947 (là chủ hộ), Võ Thị Mỹ L sinh 1951 (quan hệ với chủ hộ là vợ), Hồ Tấn B sinh năm 1983 (quan hệ với chủ hộ là con) và Hồ Thị Cẩm H sinh năm 1977 (quan hệ với chủ hộ là con) đồng ký tên và lăn tay đề nghị Phòng Tư pháp quận chứng thực chữ ký với nội dung thỏa thuận: Xác định quyền sử dụng đất dưới đây là tài sản riêng của bà Võ Thị Mỹ L, kể từ ngày ký này thì bà Võ Thị Mỹ L tự mình quyết định quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04, diện tích 2484m<sup>2</sup>, loại đất Lúa và thửa số 984, tờ bản đồ 04, diện tích 4500m, đất tọa lạc tại khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ. Thửa đất được UBND quận T cấp Giấy CNQSDĐ số CQ 00024, CQ 00025 ngày 29/01/2010 cho hộ bà Võ Thị Mỹ L đứng tên chủ sử dụng. Đề nghị chứng thực chữ ký của 4 thành viên trên được ông Lê Hồng K, trưởng Phòng Tư pháp quận T ký Chứng thực số 207 quyền số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2022 người đại diện theo Ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Vào năm 2012 ông Lê Hồng K giữ chức vụ Trưởng phòng Tư pháp quận T, có chứng thực văn bản thỏa thuận tài sản riêng QSD đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012. Ông Khuyến chứng thực là chứng thực chữ ký của ông Hồ Văn B1, bà Võ Thị Mỹ L, Hồ Thị Cẩm H và ông Hồ Văn B1 đã ký văn bản này trước sự có mặt của ông Khuyến, còn nội dung trong văn bản thỏa thuận tài sản riêng QSD đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012 thì phòng Tư pháp không chứng thực. Thời điểm chứng thực văn bản thì người yêu cầu chứng thực có cung cấp sổ hộ khẩu cho phòng Tư pháp thì phòng Tư pháp chỉ đối chiếu người ký tên trong văn bản có tên trong hộ khẩu hay không, chứ không có kiểm tra thành viên trong hộ khẩu gồm có mấy người.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*1. Bà Võ Thị Mỹ L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022.*

Ngày 29/01/2010 bà đại diện hộ gia đình được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ00024 tại thửa đất 984, diện tích 4.500m<sup>2</sup> (LUA) và giấy số CQ00025 tại thửa 250, diện tích 2484m<sup>2</sup> (LUA) thuộc tờ bản đồ số 04. Đất tọa lạc tại khu vực X, phường T1, quận T, thành phố Cần Thơ. Sau đó, bà đi thế chấp hai thửa đất trên cho ngân hàng nhưng do đất cấp cho hộ nên đã thực hiện việc chuyển đổi từ hộ sang cá nhân. Ngày 17/4/2012 Trưởng phòng Tư pháp quận T, ký chứng thực văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình số chứng thực 207, quyền số 01/TP/CC-SCT/CK chứng thực 04 người gồm: ông Hồ Văn B1, Võ Thị Mỹ L, Hồ Thị Cẩm H, Hồ Tấn B, văn bản thể hiện lời chứng của Trưởng phòng Tư pháp “*Đã ký văn bản này trước sự có mặt của tôi, phục vụ cho việc thực hiện giao dịch hành chính, dân sự để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật*”.

Trong văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình được ký tại phòng Tư pháp quận T vào ngày 17/4/2012 chỉ có chữ ký của ông Hồ Văn B1, bà Hồ Thị Cẩm H, ông Hồ Tấn B và bà, nhưng hộ gia đình bà L

gồm có 09 thành viên: Hồ Văn B1, bà Võ Thị Mỹ L, bà Hồ Thị Cẩm H, ông Hồ Tấn B, Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V, Hồ Tấn T. Do đó, việc Trưởng phòng Tư pháp quận T chứng thực văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Võ Thị Mỹ L sang cho bà Võ Thị Mỹ L mà những người còn lại là Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V, Hồ Tấn T không biết, do không có nói cho biết. Người trực tiếp đi làm các thủ tục, nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực là ông Hồ Tấn B. Khi đó 04 người gồm có bà, ông B, bà C và ông B không cho những người còn lại hay. Bà chỉ biết ký và ghi họ tên thôi chứ không biết chữ, không đọc lại.

Nay cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản chứng thực số 207, quyển số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Trưởng phòng Tư pháp quận T vô hiệu. Đề nghị được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

2. Bà Hồ Thị Cẩm H trình bày tại bản tự khai ngày 28/4/2022: tương đồng với lời trình bày của bà L. Bà đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng kể cả đối chất (nếu có).

3. Ông Hồ Tấn B: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B theo quy định.

4. Người đại diện theo Ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày tại bản tự khai ngày 01/7/2022: trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 118457, BA 118456 đã được cơ quan lĩnh vực về đất đai xác nhận, chỉnh lý ngày 19/4/2012 từ hộ bà Võ Thị Mỹ L sang bà Võ Thị Mỹ L, ngân hàng đã ký kết với bà Võ Thị Mỹ L và ông Tấn B hợp đồng thế chấp tài sản số HD9378/HĐTC ngày 24/4/2012 đã công chứng tại văn phòng công chứng Thốt Nốt ngày 24/4/2012, đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T ngày 25/4/2012. Về nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định pháp luật và đã được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2014/QĐST – KDTM ngày 18/6/2014.

Nay Ngân hàng đề nghị được xem xét bảo vệ với tư cách bên thứ ba ngay tình. Trong trường hợp, bên có nghĩa vụ nợ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì ngân hàng tiếp tục đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người làm chứng: ông Lê Hồng K trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2022: Vào năm 2012 ông giữ chức vụ Trưởng phòng Tư pháp quận T và có chứng thực văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012. Ông chứng thực là chứng thực chữ ký của ông Hồ Văn B1, bà Võ Thị Mỹ L, bà Hồ Thị Cẩm H, ông Hồ Tấn B đã ký văn bản này trước sự có mặt của ông, còn nội dung trong văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012 ông không chứng thực. Lúc chứng thực văn bản này thì người yêu cầu chứng thực có cung cấp sổ hộ khẩu cho phòng Tư pháp do cấp dưới tham mưu lên cho ông, khi đó ông chỉ có đối chiếu người ký

tên trong văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012 có tên trong sổ hộ khẩu hay không và họ có cư trú tại địa bàn quận T hay không chứ không có kiểm tra, đối chiếu thành viên trong sổ hộ khẩu gồm có mấy người. Vì việc đó không phải trách nhiệm của ông mà thuộc về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền có liên quan tiếp nhận.

Việc phòng tư pháp đóng dấu của Ủy ban nhân dân quận T tại trang chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp là do thừa Ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, còn tại trang 01 của văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012 đóng dấu phòng Tư pháp và đóng dấu giáp lai văn bản là do sai sót về lỗi chính tả và do sai sót về hình thức, do nhầm lẫn. Ngoài ra, không trình bày gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đề nghị được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T quyết định:*

Các Điều 5, 8, 12, 29, 30, 31, 116, 157, 191, 193, 194 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V và Hồ Tấn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hỦy văn bản chứng thực số 207, quyển số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Trưởng phòng Tư pháp quận T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2022 người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, ông Hồ Tấn V và Hồ Tấn T cùng kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tuyên bố văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình được lập và ký kết tại phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 và tờ chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp quận T ngày 17/4/2012 ký xác nhận chứng thực là vô hiệu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày việc chứng thực của Phòng Tư pháp quận T thừa Ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận T là không đúng thẩm quyền. Bởi vì Ủy ban nhân dân quận T không có văn bản Ủy quyền cho Phòng Tư pháp quận T chứng thực

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng trình tự thủ tục của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án, việc thụ lý và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Thời hạn kháng cáo của đương sự trong hạn luật định, đúng thủ tục theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nhận thấy việc kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của các bên; quan điểm của Kiểm sát viên, nhận thấy:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Đại diện theo Ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 23/11/2022. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, bà Hồ Bích H1, bà Hồ Thị Hồng P, ông Hồ Tấn V, ông Hồ Tấn T đối với hành vi chứng thực của Phòng Tư pháp quận T tại Văn bản chứng thực số 207, quyền số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012 đáp ứng đủ các điều kiện hành vi hành chính theo khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Vì vậy Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 30, khoản 1 Điều 31, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện cũng như việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định. Do đó kháng cáo của đương sự là hợp lệ.

**[2]** Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Văn bản yêu cầu chứng thực là văn bản thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ngày 17/4/2012 có nội dung thỏa thuận giữa ông Hồ Văn B1, bà Võ Thị Mỹ L, bà Hồ Thị Cẩm H, ông Hồ Tấn B đồng ý ký tên vào văn bản này để xác định quyền sử dụng đất thửa số 250, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.484m<sup>2</sup>, thửa đất số 04, diện tích 4.500m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00024, CQ00025 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho hộ bà Võ Thị Mỹ L đứng tên sử dụng là tài sản riêng của bà Võ Thị Mỹ L, kể từ ngày ký này thì Võ Thị Mỹ L tự mình được quyết định quyền sử dụng. Tuy nhiên, tại đoạn cuối của trang 1 của văn bản này có ghi: “*Nay chúng tôi trình*

đến quý cơ quan bằng văn bản thỏa thuận này chứng thực chữ ký cho chúng tôi, chúng tôi thành thật biết ơn”. Trên cơ sở đó, tại trang chứng thực của Trưởng phòng Tư pháp quận T chỉ chứng thực nội dung: “*Hồ Văn B1, Võ Thị Mỹ L, Hồ Thị Cẩm H, Hồ Tấn B. Đã ký văn bản này trước sự có mặt của tôi, phục vụ cho việc thực hiện giao dịch hành chính, dân sự để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, việc chứng thực chỉ là chứng thực về chữ ký của ông B1, ông B, bà L, bà H trong văn bản thỏa thuận, không chứng thực về nội dung thỏa thuận tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Xét về tính pháp lý của việc chứng thực chữ ký này như sau:

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục chứng thực chữ ký: Hành vi chứng thực chữ ký này là đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục chứng thực chữ ký theo quy định tại khoản 6 Điều 2, Điều 5, Điều 17 Mục 3 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007, khoản 2 Điều 1 Nghị định 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012. Tuy nhiên, tại trang chứng thực Trưởng phòng Tư pháp ký chứng thực với tư cách thừa Ủy quyền chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T và đóng dấu của Ủy ban nhân dân quận T, đóng giáp lai văn bản bằng dấu của phòng Tư pháp là chưa đúng về thể thức văn bản nhưng xét thấy việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất sự việc. Do đó, chỉ cần nêu lên để người bị kiện rút kinh nghiệm.

[2.3] Về nội dung chứng thực: Các đương sự vẫn thừa nhận chữ ký trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản riêng quyền sử dụng đất của hộ gia đình là chữ ký của ông B, bà L, bà H, ông B nên việc chứng thực chữ ký của Trưởng phòng Tư pháp là đúng.

Đối với việc người bị kiện kháng cáo cho rằng văn bản thỏa thuận tài sản chung của hộ gia đình sang tài sản riêng của cá nhân bà Võ Thị Mỹ L chỉ có chữ ký của ông Hồ Văn B1, ông Hồ Tấn B, bà Hồ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Mỹ L là không đầy đủ thành viên hộ gia đình đang sở hữu tài sản chung quyền sử dụng đất. Xét thấy, như nhận định tại mục [2.1] liên quan đến xác định có bao nhiêu thành viên hộ gia đình có chung quyền sở hữu sử dụng tài sản chung thuộc về nội dung thỏa thuận tài sản riêng. Trong khi Trưởng phòng Tư pháp chỉ chứng thực về chữ ký của những người có tên trên văn bản thỏa thuận tài sản riêng chứ không chứng thực xác định hộ gia đình bà Võ Thị Mỹ L chỉ gồm có ông Hồ Văn B1, bà Võ Thị Mỹ L, bà Hồ Thị Cẩm H, ông Hồ Tấn B.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, Tòa án nhân dân quận T tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3]. Như phân tích tại mục [2], đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát thành phố Cần Thơ bác yêu cầu kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

**Tuyên xử:** Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, bà Hồ Bích H1, bà Hồ Thị Hồng P, ông Hồ Tấn V, ông Hồ Tấn T. Giữ y bản án sơ thẩm số 01/2022/HCST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V và Hồ Tấn T về việc tuyên bố việc chứng thực của Phòng Tư pháp tại văn bản chứng thực số 207, quyền số 01/TP/CC-SCT/CK ngày 17 tháng 4 năm 2012 là trái pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V và Hồ Tấn T phải nộp số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/012113 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Hồ Ngọc H, Hồ Bích H1, Hồ Thị Hồng P, Hồ Tấn V và Hồ Tấn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004578 ngày 18/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- Chi cục THA Q. T;
- VKSND Q. T;
- TAND Q. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Trí Dũng**

